

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng tại Ban QLRPH Bù Đốp

Thực hiện Quyết định số 123/QĐ-SNN-TTr ngày 16/4/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng tại Ban QLRPH Bù Đốp; Quyết định số 172/QĐ-SNN-TTr ngày 07/6/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc gia hạn thời gian thanh tra.

Xét báo cáo kết quả Thanh tra số 06/BC-Đ.TTr ngày 20/7/2021 của Trưởng Đoàn thanh tra số 123, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết luận như sau:

A. Khái quát chung

Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp (sau đây gọi tắt là Ban) được thành lập theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước, trên cơ sở tách ra từ Nông Lâm trường Bù Đốp trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01/01/2018. Ban là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở Nông nghiệp và PTNT); chịu sự chỉ đạo, quản lý, điều hành trực tiếp của Sở Nông nghiệp và PTNT. Từ năm 2018 – 2020, Ban là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Ban được quy định cụ thể tại Quyết định số 05/QĐ-SNN-TC ngày 09/01/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Cụ thể, Ban có nhiệm vụ tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích rừng được UBND tỉnh giao; thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng; tổ chức thực hiện khoán các hạng mục công trình lâm sinh, bảo vệ rừng phát triển rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị xã hội để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; quản lý, sử dụng có hiệu quả tổ chức bộ máy, biên chế, lao động, tài sản, tài chính, vật tư, kinh phí và các nguồn lực khác theo quy định hiện hành.

Ban thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng với diện tích là 8.332,19 ha, trong đó có 6.315,52 ha rừng tự nhiên (hiện trạng đến 31/12/2020). Tổng số cán bộ, viên chức của đơn vị hiện nay là 18 biên chế và 09 hợp đồng thời vụ, trong đó Ban Giám đốc gồm: Giám đốc và 02 phó giám đốc; 15 biên chế và 09 hợp

đồng lao động thời vụ làm việc tại Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ; Bộ phận Hành chính – Tổng hợp và các Chốt bảo vệ rừng.

B. Kết quả kiểm tra

I. Năm 2018

1. Nguồn kinh phí thường xuyên

1.1 Dự toán

Tổng dự toán trong năm được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt là: 2.654.117.128 đồng.

1.2 Thanh toán

Tổng thanh toán trong năm là: 2.543.518.331 đồng (thấp hơn dự toán được duyệt), trong đó: chi lương và hoạt động thường xuyên 2.041.539.207 đồng; chi phụ cấp thu hút: 501.979.128 đồng.

Đoàn thanh tra không kiểm tra các chứng từ chi lương, chi tăng lương và BHXH, chỉ kiểm tra các chứng từ mua sắm và hoạt động thường xuyên. Qua kiểm tra các chứng từ chi, thì các chứng từ chi mua sắm đều có hoạt động kinh tế phát sinh, nhưng không lập phiếu chi theo đúng quy định. Định mức khoán công tác phí, xăng xe cho cán bộ, viên chức thực hiện đúng định mức trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Trong năm 2018, Ban được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán chi thường xuyên, trong đó có mục chi phụ cấp đặc biệt. Việc lập dự toán chi phụ cấp đặc biệt được căn cứ Thông tư số: 09/2005/TT-BNN ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trên cơ sở dự toán được phê duyệt, Ban đã thực hiện chi phụ cấp đặc biệt cho Cán bộ, viên chức là 195.564.980 đồng.

2. Nguồn kinh phí không thường xuyên

2.1 Dự toán

Tổng dự toán được giao trong năm là: 537.780.000 đồng.

2.2 Thanh toán

Trong năm, Ban thực hiện 04 hợp đồng khoán quản lý bảo vệ rừng, gồm Đồn biên phòng Đắc Quýt, ông Dương Minh Tiến, ông Võ Văn Sang và ông Phan Văn Nghĩa. Sau khi nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, Ban đã chi trả tiền khoán quản lý bảo vệ rừng với số tiền là 506.754.000 đồng.

Qua kiểm tra hồ sơ thanh toán: Hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu của các cơ quan chuyên môn và chi tiền khoán quản lý bảo vệ rừng cho các đối tượng nhận khoán đúng quy định.

Kiểm tra chứng từ chi: Việc chi tiền cho ông Võ Văn Sang tại phiếu chi số 02, ngày 24/5/2019 với số tiền 8.457.000 đồng không có chữ ký của Kế toán trưởng và người lập phiếu.

3. Nguồn kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)

3.1 Dự toán

Dự toán được phê duyệt là 2.879.314.405 đồng, trong đó: Chi giao khoán bảo vệ rừng: 735.419.191 đồng; chi hoạt động của Ban: 2.143.895.214 đồng.

3.2 Thanh toán

Trong năm, Ban đã thực hiện tạm ứng 2.400.000.000 đồng từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh. Ban đã thực hiện thanh toán với số tiền 2.296.928.678 đồng, số tiền chưa chi là 103.071.322 đồng.

Qua kiểm tra một số nội dung và chứng từ chi của 2.296.928.678 đồng, kết quả như sau:

3.2.1 Về chi tiền lương, làm thêm giờ, công tác phí

Chi hỗ trợ lực lượng phối hợp các Đoàn tuần tra, truy quét bảo vệ rừng (bồi dưỡng ăn uống, nhiên liệu...): 60.400.000 đồng.

Kết quả kiểm tra hồ sơ cho thấy nội dung chi không có trong dự toán được phê duyệt. Việc thực hiện Đoàn tuần tra, truy quét không có quyết định thành lập tổ truy quét, biên bản làm việc, báo cáo kết quả thực hiện công tác truy quét.

3.2.2 Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn

Trong năm, Ban thực hiện chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn như: lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy lọc nước tinh khiết RO, cột lọc nước đầu nguồn; mua máy phát điện YANMAR phòng chống cháy và mua máy xịt thuốc, dập lửa. Qua kiểm tra, việc mua hệ thống cột lọc đầu nguồn, máy lọc nước tinh khiết RO không có trong dự toán được duyệt với số tiền là 24.453.000 đồng. Việc mua máy phát điện và mua máy xịt thuốc với số tiền 28.500.000 đồng không có trong dự toán được duyệt.

3.2.3 Chi thuê mướn

Ban lập dự toán cho hoạt động chi thuê mướn khác với tổng giá trị là 171.000.000 đồng. Ban đã thực hiện các hạng mục cho phù hợp với từng nội dung, tính chất công việc. Kết quả kiểm tra hồ sơ công trình móc mương bao ngăn, ngăn người và gia súc vào lâm phần với số tiền 63.000.000 đồng, theo đó đơn vị đã chi vượt dự toán 12.000.000 đồng.

3.2.3 Chi hỗ trợ tập huấn

Chi hỗ trợ tập huấn 27.190.000 đồng, vượt dự toán được duyệt là 7.190.000 đồng (dự toán 20.000.000 đồng, chi 27.190.000 đồng).

3.2.4 Chi xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng

Trong năm 2018, Ban thực hiện xây dựng, sửa chữa duy tu tài sản với số tiền thực hiện: 542.399.000 đồng. Chia làm 06 gói thầu, cụ thể như sau:

- Công trình hồ chứa nước tại các tiểu khu 59, 60, 65: 96.800.000 đồng.
- Công trình sửa chữa nhà để ghe, nhà bè: 37.917.000 đồng.
- Công trình sửa chữa đường tuyến chốt đường 10 và đường sông 407.682.000 đồng, chi vượt dự toán DVMTR 2018 được duyệt 122.682.000 đồng (dự toán 285.000.000 đồng, chi 407.682.000 đồng). Ban thực hiện 04 gói thầu. Hình thức đấu thầu: chỉ định thầu cho 01 Công ty TNHH MTV Thương mại DV XNK Phước Việt thực hiện, gồm: Ban lu mặt đường tuyến chốt đường 10 và chốt đường sông: 83.500.000 đồng; Đổ đất tuyến chốt đường 10 và chốt đường sông: 99.000.000 đồng; Đặt cống tuyến chốt đường 10 và chốt đường

sông: 73.032.000 đồng; Bóc lớp phân hóa và ban gạt mép đường trên tuyến chốt đường 10 và chốt đường sông: 89.150.000 đồng.

Kết quả kiểm tra hồ sơ 06 hạng mục công trình như sau: Không thực hiện lập và thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; Không thực hiện lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình theo quy định; Công trình xây dựng không được giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công theo quy định; Quyết định phê duyệt dự toán không có khối lượng dự toán chi tiết kèm theo; Cùng một công trình sửa chữa đường, nhưng Ban tách ra nhiều gói thầu và chỉ định thầu cho 01 đơn vị thực hiện là Công ty TNHH MTV Thương mại DV XNK Phước Việt là không đúng quy định;

3.2.5 Kết quả kiểm tra thực tế việc mua sắm các công cụ hỗ trợ công tác chuyên môn từ nguồn dịch vụ môi trường rừng

Qua kiểm tra thực tế tại đơn vị, có một số trang thiết bị tại các chốt bảo vệ rừng gồm hệ thống năng lượng mặt trời, hệ thống máy lọc nước và 03 máy xịt thuốc.

4. Nguồn thu của đơn vị

4.1 Dự toán thu

Trong năm, Ban không lập dự toán thu – chi theo quy định. Năm 2018, Ban thu 226.183.831 đồng. Nguồn thu từ thanh lý hợp đồng nhận khoán đất lâm nghiệp theo Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính Phủ và Quyết định 1119/QĐ-UBND ngày 15/7/1997 của UBND tỉnh Bình Phước.

4.2 Thanh toán từ nguồn thu

Trong năm, Ban không thực hiện chi từ nguồn thu. Theo Báo cáo giải trình của Ban, thì hiện tại nguồn thu đang giữ tại cơ quan, chưa nộp vào tài khoản Kho Bạc nhà nước theo quy định. Qua kiểm tra sổ quỹ tiền mặt ngày 31/12/2018 thì số dư cuối kỳ của nguồn thu là 226.183.831 đồng.

5. Quyết toán

Ban đã có báo cáo tài chính đối với nguồn ngân sách, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị quyết toán tài chính năm 2018. Tuy nhiên, đến nay các cấp thẩm quyền chưa thực hiện quyết toán theo quy định. Đối với nguồn kinh phí chi trả DVMTR, Ban chưa thực hiện lập báo cáo quyết toán trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và xét duyệt theo quy định.

II. Năm 2019

1. Nguồn kinh phí thường xuyên

1.1. Dự toán

Tổng dự toán được giao trong năm là: 2.381.476.000 đồng.

1.2. Thanh toán

Tổng thanh toán trong năm là 2.317.905.000 đồng, (thấp hơn dự toán được duyệt), trong đó: chi lương và hoạt động thường xuyên: 1.722.000 đồng; Chi phụ cấp thu hút: 595.509.000 đồng. Đoàn thanh tra không kiểm tra các chứng từ chi lương, chi tăng lương và BHXH, chỉ kiểm tra các chứng từ mua sắm và hoạt động thường xuyên, kết quả như sau:

Việc chi phụ cấp thu hút thông qua hình thức chuyển khoản cho cán bộ, viên chức trong đơn vị. Các chứng từ chi mua sắm có hoạt động kinh tế phát sinh, nhưng không lập phiếu chi theo quy định.

Trong năm 2019, Ban được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán chi thường xuyên, trong đó có mục chi phụ cấp đặc biệt. Việc lập dự toán chi phụ cấp đặc biệt được căn cứ Thông tư số: 09/2005/TT-BNN ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trên cơ sở dự toán được phê duyệt, Ban đã thực hiện chi phụ cấp đặc biệt cho Cán bộ, viên chức là 246.826.347 đồng.

2. Nguồn kinh phí không thường xuyên

2.1 Dự toán

Tổng dự toán được giao trong năm là: 1.613.860.000 đồng.

2.2 Thanh toán

Tổng thanh toán 1.600.298.699 đồng (thấp hơn dự toán được duyệt), trong đó: Công tác phòng chống cháy 143.756.699 đồng, chi khoán quản lý bảo vệ rừng 1.456.542.000 đồng. Kiểm tra hồ sơ và chứng từ, kết quả như sau:

2.2.1 Chi công tác phòng chống cháy rừng

Tổng chi vượt dự toán và chi không có trong dự toán được phê duyệt là 10.300.000 đồng, trong đó:

- Chi bồi dưỡng diễn tập PCCCR vượt dự toán 4.300.000 đồng.
- Chi không có trong dự toán, 6.000.000 đồng, gồm: chi phát dọn thực bì diễn tập PCCR: 1.500.000 đồng và chi khoán công tác phí: 4.500.000 đồng.

2.2.2 Chi giao khoán quản lý bảo vệ rừng

Chi khoán quản lý bảo vệ rừng 1.456.542.000 đồng, trong đó: Ban chỉ huy Quân sự xã Phước Thiện: 316.794.000 đồng; Công đoàn cơ sở Ban QLRPH Bù Đốp: 372.417.000 đồng; Công đoàn cơ sở Hạt Kiểm lâm Bù Đốp: 269.901.000 đồng; Đoàn Biên phòng Phước Thiện: 497.430.000 đồng.

Qua kiểm tra hồ sơ về trình tự thủ tục giao khoán và phiếu chi nhận tiền khoán quản lý bảo vệ rừng đúng cho các đối tượng nhận khoán đúng quy định.

3. Nguồn kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng

3.1 Dự toán

Dự toán được giao là 3.136.936.524 đồng.

3.2 Thanh toán

Ban đã thực hiện tạm ứng 2.699.000.000 đồng. Trong năm, Ban thực hiện thanh toán 2.716.110.474 đồng, nợ chi là 17.110.474 đồng. Qua kiểm tra một số chứng từ chi, kết quả như sau:

3.2.1 Chi xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng

Tổng chi phí xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng với số tiền được giao: 830.000.000 đồng, thực hiện 09 công trình với số tiền thực hiện: 829.974.198 đồng, gồm: Đặt công tuyến chốt đường 10 và chốt đường sông; xây dựng các

đầu miệng cống; nâng cấp, sửa chữa đường tuyến chốt đường 10 vào đồn biên phòng Đắk Quýt; nâng cấp, sửa chữa đường tuyến chốt đường 10 vào chốt đường sông; lắp đặt 03 chốt lưu động phục vụ cho công tác tuần tra, truy quét thường xuyên của lực lượng bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng nhà vệ sinh chốt đường 10 và chốt đường sông; xây dựng nhà kho chốt đường 10; xây bể chứa nước chốt đường sông; khoan giếng nước chốt đường 10. Qua kiểm tra hồ sơ của các công trình trên, kết quả như sau:

- Không thực hiện lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo quy định (Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng);

- Không thực hiện lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình theo quy định; Công trình xây dựng không được giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công theo quy định; Quyết định phê duyệt dự toán không có khối lượng dự toán chi tiết kèm theo.

3.2.2. Kết quả kiểm tra thực tế

Đoàn xác định có trên thực tế công trình là 03 chốt lưu động và công trình là nhà kho tại Chốt đường 10. Không thực hiện kiểm tra các công trình khác vì không có báo cáo kinh tế kỹ thuật để xác định.

4. Nguồn thu

4.1 Dự toán

Ban không lập dự toán thu – chi theo quy định. Tổng các nguồn thu là: 2.423.702.731 đồng, trong đó: thu thanh lý hợp đồng các hộ nhận khoán là: 1.861.309.831 đồng; thu khai thác lâm sản (lồ ô): 562.392.600 đồng.

4.2 Chi nguồn thu

Trong năm Ban QLRPH Bù Đốp không sử dụng nguồn thu. Ban chỉ thực hiện nghĩa vụ thuế và chi phí khai thác với tổng số tiền là 125.290.190 đồng, gồm các khoản chi như sau: Chi phí khai thác: 86.524.350 đồng; chi các khoản thuế (thuế thu nhập, thuế môn bài và thuế tài nguyên): 37.765.846 đồng. Qua kiểm tra, việc nộp các khoản thuế đúng định mức theo quy định.

4.3 Dư nguồn thu

Theo báo cáo của đơn vị thì, sau khi nộp các khoản chi phí bắt buộc theo quy định, số dư nguồn thu cuối kỳ là: 2.298.412.541 đồng, trong đó: có 1.568.102.410 đồng trong khoản giao dịch tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Bù Đốp và quỹ tiền mặt tại cơ quan là 730.310.131 đồng.

Qua kiểm tra sổ quỹ tiền mặt ngày 31/12/2019, thì số dư nguồn thu cuối kỳ quỹ tiền mặt là 730.310.131 đồng và hiện chưa nộp vào tài khoản Kho Bạc nhà nước.

5. Quyết toán

Ban đã có báo cáo tài chính đối với nguồn ngân sách, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị quyết toán tài chính năm 2019. Tuy nhiên, đến nay các cấp thẩm quyền chưa thực hiện quyết toán theo quy định. Đối với nguồn kinh phí chi trả DVMTR, Ban chưa thực hiện lập báo cáo quyết toán trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và xét duyệt theo quy định.

III. Năm 2020

1. Nguồn kinh phí thường xuyên

1.1 Dự toán

Tổng dự toán được giao là 3.192.000.000 đồng, trong đó: Lương, phụ cấp, phúc lợi và hoạt động thường xuyên: 2.183.000.000 đồng; phụ cấp thu hút đặc biệt: 1.009.266.400 đồng.

1.2 Thanh toán

Tổng thanh toán trong năm là 2.870.433.940 đồng, trong đó: Chi lương và hoạt động thường xuyên: 1.881.853.483 đồng, thấp hơn dự toán 278.146.517 đồng; Chi thu hút đặc biệt: 988.580.457 đồng, thấp hơn dự toán 92.072.718 đồng, gồm: Chi phụ cấp thu hút là: 758.080.457 đồng; Chi trợ cấp lần đầu là: 230.500.000 đồng.

Qua kiểm tra, các chứng từ chi mua sắm có hoạt động kinh tế phát sinh, nhưng không lập phiếu chi. Việc khoán công tác phí, xăng xe thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ. Trong năm 2020, Ban được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán chi thường xuyên, trong đó có mục chi phụ cấp đặt biệt. Việc lập dự toán chi phụ cấp đặc biệt được căn cứ Thông tư số: 09/2005/TT-BNN ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trên cơ sở dự toán được phê duyệt, Ban đã thực hiện chi phụ cấp đặt biệt cho Cán bộ, viên chức là 101.933.298 đồng.

2. Nguồn kinh phí không thường xuyên

2.1 Dự toán

Tổng dự toán: 2.620.000.000 đồng.

2.2 Thanh toán

Tổng thanh toán 2.532.164.150 đồng, trong đó:

- Chi phòng chống cháy rừng là: 91.585.150 đồng;

- Chi xây dựng kho, phòng làm việc: 978.410.000 đồng;

- Khoán quản lý bảo vệ rừng 1.462.209.000 đồng cho 04 tổ chức, gồm: Ban chỉ huy Quân sự xã Phước Thiện, Công đoàn cơ sở thành viên, trực thuộc Ban QLRPH Bù Đốp, Công đoàn cơ sở Hạt Kiểm lâm Bù Đốp, Đoàn Biên phòng Phước Thiện.

Qua kiểm tra hồ sơ thanh toán: Hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu của các cơ quan chuyên môn và chi tiền khoán quản lý bảo vệ rừng cho các đối tượng nhận khoán đúng quy định.

3. Nguồn kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng

3.1 Dự toán

Tổng dự toán được giao 3.059.929.227 đồng.

3.2 Thanh toán

Ban đã Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng chi từ tạm ứng là 2.294.945.000 đồng. Ban thực hiện thanh toán trong năm với số tiền 2.085.789.904 đồng, chưa thực hiện 209.155.096 đồng. Qua kiểm tra các chứng từ chi, kết quả như sau:

3.2.1 Chi lương và các khoản đóng góp

Các khoản đóng góp bắt buộc theo lương cho 10 người hợp đồng thời vụ tham gia quản lý bảo vệ rừng (BHXH, BHYT, BHTN) với số tiền 109.996.900 đồng, vượt dự toán với số tiền 28.649.500 đồng (dự toán 81.347.400 đồng).

3.2.2 Chi xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng

Tổng dự toán được duyệt: 290.140.000 đồng, thực hiện: 170.000.000 đồng, giảm so với dự toán được duyệt: 120.140.000 đồng. Chia 02 gói thầu, cụ thể như sau: Lắp đặt 02 chốt trực lưu động với số tiền 50.000.000 đồng; Khoan 03 giếng nước phục vụ đời sống, sinh hoạt cho lực lượng bảo vệ rừng với số tiền 120.000.000 đồng.

Kết quả kiểm tra hồ sơ của các công trình trên như sau: Không thực hiện lập và thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; Không thực hiện lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình theo quy định; Công trình xây dựng không được giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công theo quy định; Quyết định phê duyệt dự toán không có khối lượng dự toán chi tiết kèm theo; không thực hiện đúng quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

3.2.3 Kết quả kiểm tra thực tế

Qua kiểm tra thực tế, Đoàn xác định có trên thực tế có 03 giếng khoan và 02 chốt lưu động.

3.3 Quyết toán

Ban chưa thực hiện lập báo cáo quyết toán kinh phí chi trả DVMTR trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và xét duyệt theo quy định.

4 Nguồn thu

4.1 Dự toán

Tổng các nguồn thu là 329.608.765 đồng, trong đó: Thu thanh lý hợp đồng các hộ nhận khoán là: 77.328.845 đồng; Thu khai thác lâm sản: 117.799.920 đồng; Thu từ đền bù: 134.480.000 đồng.

4.2 Chi nguồn thu

Trong năm Ban QLRPH Bù Đốp không sử dụng nguồn thu vào hoạt động của đơn vị. Ban chỉ thực hiện nghĩa vụ thuế và chi phí khai thác với tổng số tiền là 140.332.072 đồng, gồm các khoản chi như sau: chi các khoản thuế (thuế thu nhập, thuế môn bài và thuế tài nguyên): 69.042.172 đồng, chi khai thác: 71.289.900 đồng.

4.3 Dư nguồn thu

Theo báo cáo của đơn vị thì, sau khi nộp các khoản phí bắt buộc theo quy định, số dư nguồn thu cuối kỳ là 189.276.693 đồng, trong đó: có 111.947.848 đồng trong khoản giao dịch của Ban tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Bù Đốp và quỹ tiền mặt tại cơ quan là 77.328.845 đồng. Qua kiểm tra sổ quỹ tiền mặt ngày 31/12/2020 thì số dư cuối kỳ từ nguồn thu là 77.328.845 đồng.

5. Quyết toán

Ban đã có báo cáo tài chính đối với nguồn ngân sách, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị quyết toán tài chính năm 2020. Tuy nhiên, đến nay các cấp thẩm quyền chưa thực hiện quyết toán theo quy định. Đối với nguồn kinh phí chi trả DVMTR, Ban đang thực hiện lập báo cáo quyết toán trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và xét duyệt theo quy định.

III. Kết luận những nội dung đã tiến hành thanh tra

1. Ưu điểm

Từ năm 2018 đến năm 2020, Ban QLRPH Bù Đốp thực hiện việc lập dự toán và trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định. Đơn vị có lập sổ sách, chứng từ kế toán theo dõi các nguồn kinh phí được giao. Cuối kỳ tài chính, đơn vị có báo cáo tài chính đối với nguồn ngân sách nhà nước giao, trình Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét quyết toán. Hàng năm, Ban QLRPH Bù Đốp đều thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Về khuyết điểm, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, trong 03 năm qua, Giám đốc và Kế toán Ban QLRPH Bù Đốp quản lý lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ, sai quy định đối với việc sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí được giao cũng như các nguồn kinh phí phải thu, phải nộp ngân sách nhà nước.

Ban là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, tuy nhiên từ năm 2018 – 2020 Ban không xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định tại *Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác*. Hàng năm, Ban có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, tuy nhiên việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ có nội dung và trình tự chưa đúng với quy định tại *Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập*.

3. Công tác quản quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp

3.1 Việc lập dự toán và hồ sơ kế toán

Hàng năm, Ban không lập dự toán thu nguồn thu. Khi cơ quan có thẩm quyền có điều chỉnh nguồn kinh phí, thì Ban không thực hiện điều chỉnh dự toán cho phù hợp với nguồn kinh phí được cấp theo đúng quy định. Việc lập dự toán và trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt còn sai về hạng mục và đối tượng thụ hưởng nguồn ngân sách là không đúng với *Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác*.

Việc lưu giữ hồ sơ tài chính chưa đúng trình tự, không lập bảng kê chứng từ chi, sắp xếp chứng từ kế toán chưa theo nguồn được cấp. Các chứng từ chi mua sắm có hoạt động kinh tế phát sinh, nhưng chưa lập phiếu chi; các phiếu chi còn thiếu sót như: thiếu chữ ký của kế toán trưởng, thiếu chữ ký của thủ quỹ, người lập phiếu chi hoặc thiếu chữ ký của người nhận tiền là chưa đúng với *Luật*

Kế toán năm 2015; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán.

3.2 Việc sử dụng tài chính từ nguồn ngân sách được cấp và trách nhiệm các cá nhân có liên quan

3.2.1 Việc sử dụng tài chính từ nguồn ngân sách

Trong 03 năm, đơn vị sử dụng tổng kinh phí từ nguồn ngân sách cấp là 12.371.074.120 đồng, trong đó: nguồn thường xuyên là 7.731.857.271 đồng, nguồn không thường xuyên là 4.639.216.849 đồng. Quá trình sử dụng nguồn ngân sách còn sai quy định với số tiền là 554.624.625 đồng, trong đó:

- Chi vượt dự toán với số tiền là 10.300.000 đồng là không đúng quy định tại điều 18 Luật Ngân sách nhà nước.

- Chi phụ cấp đặc biệt sai đối tượng là 544.324.625 đồng. Lý do không đúng đối tượng: Ban QLRPH Bù Đốp không đóng trên địa bàn Đảo xa đất liền và vùng biên giới được áp dụng phụ cấp đặc biệt được theo quy định tại Thông tư số 09/2005/TT-BNN ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ.

3.2.2 Trách nhiệm các cá nhân có liên quan

a) Ban QLRPH Bù Đốp

Trách nhiệm của Giám đốc và viên chức được phân công phụ trách Kế toán trong thời kỳ 2018- 2020 (bà Phùng Thị Bích Hà, Nguyễn Thị Thắm và bà Nguyễn Thị Thu Hương), cụ thể là: Tham mưu lập dự toán không đúng đối tượng được thụ hưởng phụ cấp đặc biệt và chi chi vượt dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Trách nhiệm của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT

Chủ quan, thiếu kiểm tra trong việc tham mưu Giám đốc Sở trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán của Ban QLRPH Bù Đốp từ năm 2018 - 2020, dẫn đến dự toán được duyệt không đúng đối tượng được thụ hưởng phụ cấp đặc biệt quy định tại Thông tư số 09/2005/TT-BNN ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ.

3.3 Việc quản lý sử dụng từ nguồn thu và trách nhiệm các cá nhân có liên quan

3.3.1 Quản lý, sử dụng nguồn thu

Nguồn thu từ năm 2018 – 2020 (sau khi trừ các khoản chi phí khai thác và các khoản thuế phải nộp theo đúng quy định) là 2.713.873.065 đồng, trong đó: có 1.680.050.258 đồng tại tài khoản giao dịch của Ban QLRPH Bù Đốp mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện Bù Đốp và quỹ tiền mặt tại đơn vị là 1.033.822.807 đồng. Việc Ban QLRPH Bù Đốp thực hiện các nghĩa vụ về thuế, chi phí khai thác đúng theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí Môn bài; Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế tài nguyên;

Tính đến thời điểm kết thúc thanh tra, thì Ban QLRPH Bù Đốp chưa nộp nguồn thu sự nghiệp với số tiền 2.713.873.065 đồng vào Kho Bạc nhà nước là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 điều 5 Luật ngân sách năm 2015; điểm

b khoản 1 điều 16 Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

3.3.2 Trách nhiệm các cá nhân có liên quan

Việc Ban QLRPH Bù Đốp chưa nộp, chậm nộp nguồn thu vào Ngân sách nhà nước là trái với quy định của pháp luật, trách nhiệm thuộc về Giám đốc Ban và Viên chức được phân công phụ trách Kế Toán thời kỳ 2018- 2020 (bà Phùng Thị Bích Hà Nguyễn Thị Thắm và bà Nguyễn Thị Thu Hương).

4. Việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn nguồn dịch vụ môi trường rừng

4.1 Việc lập dự toán

Trong ba năm 2018, 2019 và 2020, Ban có lập dự toán thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng trình và được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.

4.2 Việc sử dụng tài chính

Trong 03 năm, đơn vị sử dụng tổng kinh phí từ nguồn dịch vụ môi trường rừng là 6.928.563.136 đồng. Quá trình sử dụng nguồn tiền DVMTR, Ban chi sai dự toán, chi vượt dự toán và chi không đúng quy định, cụ thể như sau:

a) Chi vượt dự toán và chi không có trong dự toán với số tiền là 283.874.500 đồng là trái với quy định tại *điều 12 Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.*

b) Chi xây dựng, sửa chữa công trình xây dựng

Trong 03 năm, Ban đã chi xây dựng, sửa chữa công trình xây dựng với số tiền là 1.419.691.198 đồng. Hồ sơ các công trình xây dựng không thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Không thực hiện lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại *điều 52 và điều 56 Luật xây dựng*. Cụ thể chưa lập, thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại *khoản 2 điều 5 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.*

- Không thực hiện lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại *điều 18 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

- Công trình xây dựng không được giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công quy định tại *điều 120 Luật Xây dựng.*

- Quyết định phê duyệt tổng dự toán các hạng mục công trình không có dự toán chi tiết kèm theo;

- Công trình sửa chữa đường năm 2018 được Ban phân chia nhiều hạng mục nhỏ mà chưa căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán mua sắm và quy mô gói thầu hợp lý, quy định tại *khoản 3 điều 33 Luật đấu thầu*. Vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong đấu thầu tại *điểm K khoản 6 điều 89 Luật đấu thầu* “Chia dự án, dự toán mua

sấm thành các gói thầu trái với quy định của Luật này nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu”.

4.3 Trách nhiệm các cá nhân có liên quan

Trách nhiệm đối với việc lập hồ sơ và chi sai qui định nêu trên thuộc về Giám đốc Ban và Kế Toán Ban thời kỳ 2018- 2020 (bà Phùng Thị Bích Hà, bà Nguyễn Thị Thắm, bà Nguyễn Thị Thu Hương) và các viên chức thuộc bộ phận có liên quan.

5. Công tác quyết toán và trách nhiệm các cá nhân có liên quan

5.1. Công tác quyết toán

Hàng năm, Ban QLRPH Bù Đốp đều thực hiện báo cáo quyết toán tài chính đối với nguồn ngân sách nhà nước giao và đề nghị cấp thẩm quyền thẩm tra, quyết toán kinh phí đã thực hiện trong năm. Tuy nhiên, trong báo cáo tài chính Ban không phản ánh nguồn thu của đơn vị để quyết toán theo quy định về yêu cầu quyết toán ngân sách nhà nước là trái với quy định tại điều 65 Luật Ngân sách năm 2015; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Tính đến thời điểm kết thúc thanh tra, Ban QLRPH Bù Đốp chưa được quyết toán tài chính năm 2018, 2019 và năm 2020 đối với nguồn ngân sách nhà nước là không quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

Việc Ban chưa thực hiện lập báo cáo quyết toán đối với nguồn kinh phí chi trả DVMTR các năm 2018, 2019 trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và xét duyệt là không đúng theo quy định tại điều 7, Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính và tại điều 71, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

5.2. Trách nhiệm các cá nhân có liên quan

5.2.1 Ban QLRPH Bù Đốp

Việc không đưa nguồn thu và nguồn dịch vụ môi trường rừng vào báo cáo quyết toán hàng năm và không thường xuyên kiến nghị cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên thực hiện xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm đối với nguồn ngân sách là trách nhiệm thuộc Giám đốc và viên chức được phân công phụ trách Kế toán trong thời kỳ 2018- 2020 (bà Phùng Thị Bích Hà, Nguyễn Thị Thắm và bà Nguyễn Thị Thu Hương).

5.2.2 Văn Phòng Sở Nông nghiệp và PTNT

Từ năm 2018 đến năm 2020, Sở Nông nghiệp và PTNT chưa thực hiện xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm đối với nguồn ngân sách nhà nước giao của Ban QLRPH Bù Đốp, trách nhiệm thuộc về công chức được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ tham mưu công tác tài chính của Sở Nông nghiệp và PTNT.

III. Các biện pháp xử lý sau thanh tra



Trên cơ sở kết luận, Giám đốc Sở chỉ đạo:

1. Giao Văn Phòng Sở tham mưu Giám đốc Sở

1.1 Không quyết toán đối với các hạng mục công trình xây dựng đã đầu tư với số tiền là 1.419.691.198 đồng từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng (có danh sách các hạng mục công trình xây dựng đã đầu tư kèm theo).

1.2 Kiểm điểm trách nhiệm và có hình thức kỷ luật hành chính đối với ông Nguyễn Văn Thành – Giám đốc Ban QLRPH Bù Đốp theo quy định của pháp luật.

1.3 Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các công chức được giao nhiệm vụ tham mưu phê duyệt dự toán sai, chậm xét duyệt quyết toán tài chính năm của Ban QLRPH Bù Đốp không đúng quy định của pháp luật.

1.4 Nhanh chóng thực hiện xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm bao gồm nguồn ngân sách và nguồn ngoài ngân sách của Ban QLRPH Bù Đốp năm 2018, 2019 và năm 2020 theo đúng quy định của Luật Ngân sách.

1.5 Chủ trì, phối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng hướng dẫn các đơn vị chủ rừng lập dự toán, trình tự thủ tục thực hiện các công trình cơ sở kỹ thuật và thủ tục thanh, quyết toán nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định.

2. Ban QLRPH Bù Đốp

2.1 Thực hiện nộp ngay nguồn thu là 2.713.873.065 đồng và lãi suất ngân hàng theo quy định vào ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

2.2 Thực hiện xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

2.3 Thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng với quy định tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

2.4 Hoàn thiện việc lập hồ sơ theo đúng quy định đối với các hồ sơ còn thiếu sót và trình cấp thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt quyết toán theo đúng quy định. Lập hồ sơ quản lý tài sản, trang thiết bị đã đầu tư theo đúng quy định.

2.5 Kiểm điểm các cá nhân được giao nhiệm vụ tham mưu công tác quản lý và sử dụng tài chính của đơn vị từ năm 2018 – 2020.

3. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng

- Tăng cường công tác quản lý, giao vốn, kiểm tra, giám sát đối với nguồn DVMTR đã cấp cho các đơn vị. Thường xuyên đôn đốc kiểm tra hướng dẫn Ban thực hiện việc quản lý và sử dụng nguồn tiền DVMTR theo đúng quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác thanh, quyết toán nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

4. Giao Thanh tra Sở

4.1 Tham mưu Giám đốc Sở:

- Thu hồi số tiền là 554.624.625 đồng, nộp tại Kho bạc Nhà nước Bình Phước.

- Yêu cầu Ban QLRPH Bù Đốp nộp số tiền dịch vụ môi trường rừng là 283.874.500 đồng vào Tài khoản giao dịch của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Phước.

4.2. Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị việc triển khai thực hiện các chỉ đạo của Giám đốc Sở tại Kết luận này. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả theo đúng quy định.

Trên đây Kết luận của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng tại Ban QLRPH Bù Đốp./.

Nơi nhận:

- Giám đốc;
- Thanh tra tỉnh;
- Ban QLRPH Bù Đốp;
- Lưu: VT, Đoàn TTr.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình

Biểu 01: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG SỬ DỤNG NGUỒN TIỀN DVMTR KHÔNG ĐÚNG QUY ĐỊNH

(Kèm theo Kết luận số: 06 /KL-SNN-TTr ngày 05/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Tên công trình	Kinh phí	Vi phạm về lập, thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	Vi phạm lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình	Vi phạm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công	Không có dự toán chi tiết kèm theo Quyết định phê duyệt tổng dự toán các hạng mục công trình	Chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định	Năm thực hiện	Ghi chú
Năm 2018		419.717.000							
1	Sửa chữa hồ chứa nước xi măng	96.800.000	x	x	x	x		2018	Không quyết toán
2	Sửa chữa nhà bè nhà để ghe	37.917.000	x	x	x	x		2018	
3	Đặt cống tuyến chốt đường 10 và đường sông	285.000.000	x	x	x	x	x	2018	
4	Ban lu mặt đường tuyến chốt đường 10 và đường sông		x	x	x	x	x	2018	
5	Đổ đất tuyến chốt đường 10 và đường sông		x	x	x	x	x	2018	
6	Bóc lớp phân hóa và ban gạc mép đường		x	x	x	x	x	2018	
Năm 2019		829.974.198							
1	Đặt cống tuyến chốt đường 10 và chốt đường sông	72.000.000	x	x	x	x		2019	Không quyết toán
2	Nâng cấp, sửa chữa đường tuyến chốt đường 10 vào chốt đường sông	90.000.000	x	x	x	x		2019	
3	Gói thầu xây dựng các đầu miệng cống	44.000.000	x	x	x	x		2019	
4	Nâng cấp, sửa chữa đường tuyến chốt đường 10 vào đồn biên phòng Đắk Quýt	94.000.000	x	x	x	x		2019	
5	Xây dựng nhà kho chốt đường 10	254.974.198	x	x	x	x		2019	
6	Lắp đặt 03 chốt lưu động	60.000.000	x	x	x	x		2019	

7	Xây dựng nhà vệ sinh chốt đường 10 và chốt đường sông	80.000.000	x	x	x	x	2019
8	Xây bể chứa nước chốt đường sông	95.000.000	x	x	x	x	2019
9	Khoan giếng	40.000.000	x	x	x	x	2019
Năm 2020		170.000.000					
17	Khoan giếng 03 nước phục vụ đời sống, sinh hoạt cho lực lượng bảo vệ rừng	120.000.000	x	x	x	x	2020
18	Lắp đặt 02 chốt trục lưu động	50.000.000	x	x	x	x	2020
Tổng		1.419.691.198					